

Cộng đồng, xã hội, văn hóa: Ba chìa khóa để hiểu về các bản sắc xung đột hôm nay

Nguyên bản: Maurice Godelier 2010. “Community, society, culture: three keys to understanding today’s conflicted identities”. *Journal of Royal Anthropological Institute*, 16:1, pp.1-11.

Tác giả: MAURICE GODELIER, École des Hautes Études en Sciences Sociales. Liên hệ: EHESS, 54, Bd. Raspail, 75006 Paris, France. godelier@ehess.fr. Huxley Memorial Lecture, London, 7 November 2008. Giáo sư Maurice Godelier là Giám đốc của École des Hautes Études en Sciences Sociales. Ông hiện đang làm việc với một nhóm các nhà nhân học, khảo cổ học và sử học để xây dựng một chương trình nghiên cứu so sánh về các quá trình và bối cảnh tạo nền tảng cho phát triển ở các thời điểm khác nhau của lịch sử và trong các khu vực khác nhau của thế giới, về các hình thức chủ quyền khác nhau mà ngày nay chúng ta biết đến như là các nhà nước hay tiền nhà nước.

Người dịch: Nguyễn Văn Sửu, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tóm tắt

Tác giả định nghĩa lại ba khái niệm quan trọng được sử dụng trong các ngành khoa học xã hội: bộ lạc, xã hội và cộng đồng. Tác giả bắt đầu bằng các phát hiện của mình cho rằng người Baruya, một bộ tộc ở New Guinea, nơi tác giả đã sống và làm việc, không phải là một xã hội trong vài thế kỷ trước đó. Điều này làm cho tác giả phân vân: Một xã hội mới được tạo nên như thế nào? Tác giả cho thấy rằng chỉ riêng các quan hệ thân tộc hay các quan hệ kinh tế không đủ để tạo nên một xã hội mới. Điều cần thiết là có một số lượng nhất định các nhóm thân tộc của người Baruya thành một xã hội chính là các mối quan hệ chính trị và tôn giáo của họ, các mối quan hệ đã tạo điều kiện cho họ hình thành một hình thái chủ quyền đối với lãnh thổ, với dân cư và với các nguồn lực. Tác giả sau đó so sánh với các ví dụ khác về các xã hội ít nhiều mới được hình thành, trong số đó có Saudi Arabia, một xã hội mới bắt đầu vào cuối thế kỷ 18. Tác giả cũng làm rõ những khác biệt giữa bộ tộc, xã hội, nhóm tộc người và cộng đồng và cho thấy một bộ tộc là một xã hội, nhưng một nhóm tộc người lại là một cộng đồng. Các phân tích của tác giả đã làm sáng tỏ một số tình hình đương đại, vì các bộ tộc hiện vẫn còn đóng một vai trò quan trọng ở Iraq, Afghanistan, Jordan và một số nước khác.

Tôi muốn mời bạn đọc cùng tôi nhận xét về nội hàm của bốn khái niệm có lẽ được sử dụng nhiều nhất trong các ngành khoa học xã hội và các ngành khoa học khác, vì các khái niệm này hiện hữu nhan nhản trong diễn ngôn của các nhà chính trị, giới báo chí và những người khác. Đó là các khái niệm: cộng đồng, xã hội, văn hóa và bản sắc. Do tính đa ngành của

Trong những năm kể từ khi tôi làm việc với người Baruya ở Papua New Guinea (giữa 1966 và 1988), tôi chưa bao giờ không nghĩ đến nội hàm mà ngành học của chúng ta gán cho các khái niệm này. Ngay từ đầu đã có điều gì đó kích thích tôi. Tôi học được từ chính người Baruya một điều là xã hội của họ không tồn tại trước đó ba hay bốn thế kỷ. Nhưng cũng có điều gì đó khác gây ấn tượng đối với tôi. Người Baruya nói cùng một thứ ngôn ngữ, có chung một hệ thân tộc, các nghi lễ thành đinh giống nhau,¹ nói tóm lại là chia sẻ một cách thân thiện và thù địch với những người hàng xóm của mình có thể được gọi là cùng có một ‘văn hóa’. Cuối cùng, sau khi đã sống chung với người Baruya bảy năm, tôi chứng kiến những biến đổi mạnh mẽ cả trong xã hội và trong các bản sắc cá nhân cũng như tập thể của họ.

Tôi coi hai vấn đề là một sự may mắn. Thực tế rằng người Baruya đã tồn tại như một xã hội chỉ trong một thời gian ngắn làm cho tôi băn khoăn: Xã hội đã hình thành như thế nào? Các mối quan hệ xã hội nào gắn kết các nhóm người lại với nhau và tạo thành một xã hội, nghĩa là một tổng thể tái sản sinh ra chính nó và các thành viên của nó? Vấn đề thứ hai kích thích tôi là: Nếu người Baruya và những bộ tộc láng giềng của họ có chung ngôn ngữ, văn hóa và tổ chức xã hội, thì liệu khái niệm ‘văn hóa’ có thể giúp tôi hiểu được tại sao tất cả các nhóm địa phương này lại cho là mình đã tạo nên các xã hội khác biệt, với các tên gọi khác nhau – Baruya, Wantekia, Boulakia, Usarampia và vân vân – nhưng tất cả hình như giống nhau theo một cách nào đó?

Chính vì thế, tôi muốn tìm hiểu xem xã hội người Baruya đã được hình thành như thế nào và sau đó tôi muốn cho các bạn thấy, như tôi sẽ cho bạn đọc thấy, tôi trở nên hứng thú với vấn đề và bắt đầu tìm kiếm các ví dụ khác về các xã hội đã không tồn tại vài thế kỷ trước đây. Có một xã hội mà tất cả chúng ta đều quen thuộc, người Tikopia, được Raymond Firth phân tích một cách rất hay, cho dù ông không nêu vấn đề này trong cuối sách của mình (Firth 1967a). Nhưng các hoàn cảnh dẫn tôi đến chỗ quan tâm đến phong trào tôn giáo của Hồi giáo (*Wahhabism*) và tôi khám phá được rằng Saudi Arabia không tồn tại trước thế kỷ 18, mà chỉ bắt đầu hình thành kể từ năm 1742.

Có lẽ tôi nên nói rõ ngay về bản chất của vấn đề. Đây không phải là vấn đề bất biến/vĩnh cửu mà các nhà triết học đưa ra, vấn đề được coi là nền tảng của các khế ước xã hội. Vấn đề mà tôi nêu ra thuần túy mang bản chất lịch sử và xã hội. Tôi tin rằng loài người tự nhiên là các sinh vật xã hội. Ở một thời điểm nào đó, họ không phải bắt đầu sống trong xã hội bằng việc tạo nên một khế ước hay giết chết người cha của mình. Nhưng loài người không chỉ đơn

¹ Ở đây thuật ngữ ‘nghi lễ thành đinh’ được tôi sử dụng để chuyển tải nội hàm của cụm từ ‘initiation rites’ – Người dịch.

Trở lại vấn đề thứ nhất và đối với những ý tưởng mà tôi đã mang theo mình khi đi điền dã vào năm 1966, thì tôi nhớ rằng chúng tôi ở vào những thập kỷ 1960-1980 và cấu trúc luận của Lévi-Strauss cùng với các trường phái khác nhau của chủ nghĩa Mác đang vật lộn ở Paris. Lévi-Strauss xem tục cấm loạn luân và các mối quan hệ thân tộc đã làm chuyển đổi loài người từ tình trạng tự nhiên sang trạng thái văn hóa. Về phần mình, cảm nang của các nhà Mácxít lại thúc đẩy một sự giải thích khác về lịch sử loài người – một khi chúng ta đã trải qua giai đoạn từ tự nhiên sang văn hóa – thì vai trò cơ bản của các mối quan hệ mà con người tạo ra trong khi sản sinh ra các phương tiện vật chất của sự tồn tại xã hội thông qua cái được gọi là ‘sự kế thừa’ của các phương thức sản xuất.

Chính vì thế, khi tôi bắt đầu tìm kiếm tài liệu về các mối quan hệ xã hội có khả năng cô kết các nhóm thân tộc người Baruya thành một xã hội, tôi bắt đầu bằng việc xem xét bản chất của hệ thống thân tộc của họ và sau đó là bản chất của các mối quan hệ mà các nhóm thân tộc trao đổi với nhau khi họ sản sinh ra những điều kiện vật chất cho sự tồn tại xã hội của mình. Tôi có thể cho các bạn thấy ngay bây giờ là tôi kết luận rằng không phải các mối quan hệ thân tộc hay quan hệ sản xuất giữa các nhóm này có thể lý giải cho sự hình thành xã hội của người Baruya, một xã hội mới có cấu trúc và văn hóa không khác gì với các xã hội ở quanh họ. Tôi phải tìm kiếm ở đâu đó khác.

Bạn sẽ có thể nhớ là những cuốn cảm nang nhân học và các bậc thầy của chúng ta ở thời điểm đó giải thích rằng khi chúng ta tự thấy mình đối diện với một xã hội không bị phân chia thành các đẳng cấp, các giai cấp, hay các tầng bậc và tự quản mà không vì lợi ích của một Nhà nước, thì chúng ta đang gặp phải một xã hội dựa trên thân tộc và được gọi là ‘nguyên thủy’. Trên thực địa, tôi nhanh chóng nhận thấy xã hội người Baruya được tạo nên bởi 15 nhóm phụ hệ (*patrilineal clans*) và đi đến kết luận một cách hiển nhiên rằng tôi đã tìm thấy một xã hội dựa trên quan hệ thân tộc khác.

Tất cả những giả thuyết này về vai trò của thân tộc hay các phương thức sản xuất bị mất đi cái địa vị của nó đối với các sự thật khoa học khi mà các phân tích của tôi tiến triển. Tôi sẽ bắt đầu bằng việc tóm tắt xem xã hội người Baruya được hình thành như thế nào.

Cho đến thế kỷ XVII hay khoảng thời gian đó, xã hội này không tồn tại. Nó bắt nguồn từ hai hành động bạo lực: hai cuộc thảm sát, một cuộc chống cự và một cuộc tấn công. Những người chiến đấu ban đầu là một nhóm nam giới, nữ giới và trẻ em từ các nhóm khác nhau (*clans*) của bộ tộc người Yoyue, sống gần với Menyamya, cách nơi cư trú ngày nay của người Baruya khoảng vài ngày đi bộ. Những đàn ông và phụ nữ này đã rời làng mình vài tuần trước đó, đi sâu vào trong rừng để săn bắn và mang về một lượng mới con mồi cần thiết để tế lễ thành đình. Trong khi họ đi vắng, thì họ nghe tin rằng tất cả những người ở lại

Hoảng sợ không dám quay về vì lo sợ phải chịu chung số phận, họ (cả nam và nữ) đã xin tị nạn ở những bộ tộc khác nhau muốn chấp nhận họ, nói cách khác cấp cho họ đất nông nghiệp và lãnh địa săn bắn. Một nhóm cuối cùng đã đến với người Andje, một bộ tộc sống ở thung lũng Marawaka dưới chân núi lửa Mount Yelia. Ở đó, một trong các nhóm người Andje, nhóm Ndelie, đã đồng ý nhận họ và cho phép họ sử dụng một phần lãnh địa của mình. Vài thế hệ sau, sau khi đã trao đổi phụ nữ với nhóm tiếp nhận mình và con cái họ đã học ngôn ngữ bản địa, một ngôn ngữ chỉ khác biệt đôi chút so với ngôn ngữ mẹ đẻ của họ, con cháu của những người tị nạn đã ký một hiệp ước bí mật với những người đỡ đầu của mình, nhóm người Ndelie, để chiếm đất của các nhóm khác của bộ tộc Andje. Họ đã mời các nhóm này đến tham gia một nghi lễ và trong nghi lễ đó, họ tàn sát một lượng lớn khách mời. Những người còn lại chạy trốn, để lại đất đai của mình cho những kẻ chủ mưu.

Ban đầu, xã hội người Baruya xuất hiện như là một kết quả của các hành vi bạo lực – những cuộc thảm sát. Nhưng bạo lực không lý giải được phương thức sinh tồn mà các nạn nhân-thành-kẻ thắng cuộc (*victims-turned-victors*) đã sử dụng để sinh sống và tái sản sinh ra chính mình. Về vấn đề này, rõ ràng là có một nhu cầu đối với các quan hệ xã hội có thể cố kết họ lại và thắt chặt họ thành một cái Tổng thể. Đó là những mối quan hệ nào? Câu trả lời mà một người đàn ông thuộc bộ tộc Baruya kể cho tôi vào một ngày, nhưng lúc đó tôi lại không hiểu được nó. Anh ta nói với tôi: 'Moriselo, chúng tôi trở thành người Baruya khi chúng tôi xây dựng nên cái *tsimia* của riêng chúng tôi và bắt đầu tuyển dụng chính những đứa trẻ của chúng tôi làm chiến binh và thầy shaman'. Anh ta ngụ ý *tsimia* là cái gì? Ở đây tôi phải trình bày với các bạn một số yếu tố dân tộc học để hậu thuẫn cho những lời tuyên bố của tôi.

Ở vùng này, khi mọi người từ các xã hội khác nhau nhưng lại nói cùng một ngôn ngữ gặp nhau thì họ hỏi lẫn nhau, 'Anh thuộc về *tsimia* nào?' Đây chính là một cách nói khác 'Anh thuộc về xã hội nào?' và sau đó họ hỏi 'Anh thuộc về cây nào?' hoặc là 'Ai giống anh?', có nghĩa là, 'Anh thuộc về nhóm nào?'

Ở đây chúng ta đang lần theo dấu vết của các mối quan hệ xã hội thúc đẩy sự phát triển của xã hội người Baruya. Vậy *tsimia* là cái gì (xem Godelier 1986)? Nó là một công trình xây dựng lớn mà người Baruya hay là những người láng giềng của họ lắp ráp cứ khoảng ba năm một lần để tổ chức một số trong các nghi lễ thành đình bí mật nhất cho những người nam giới của họ đối với nữ giới và những người chưa thành đình. Người Baruya nói *tsimia* (tôi sử dụng những cách phân loại của họ) giống như 'cơ thể' của họ: các cột là 'xương' và lá của mái là 'da'. Ở trung tâm của công trình này là một cái trụ lớn tại đó hợp nhất tất cả các xà. Cái trụ này được gọi là 'Tsimie' và được coi là đại diện cho tổ tiên của bộ tộc Baruya. Trên đỉnh của trụ là bốn mảnh gỗ khắc ghép lại với nhau chỉ về bốn hướng của bầu trời và được gọi là '*nilamaye*'—những bông hoa (*maye*) của Mặt trời (*Nila*). Thông qua những bông hoa đó, thần Mặt trời tiếp xúc với những người thành đình Baruya và những người sẽ thành

Vấn đề sau đó là: Những nghi lễ thành đình này có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của người Baruya? Tôi đề cập sơ bộ những điểm này để chỉ ra rằng phụ nữ người Baruya được thành đình vào thời điểm lần kinh nguyệt đầu tiên của mình và vào lúc sinh đứa trẻ đầu lòng. Những nghi lễ thành đình của họ phân chia toàn bộ dân cư, nam và nữ, thành các nhóm tuổi mà thành viên của các nhóm được coi là hợp tác với nhau và tôn trọng người lớn tuổi hơn cho đến khi họ cũng làm lễ thành đình cho những người trẻ tuổi hơn. Trong khi diễn ra các nghi lễ, những người chủ tế của các nghi lễ thành đình, với sự giúp đỡ của tổ tiên và thần linh, tiên đoán về những thành viên của một thế hệ mới này sẽ trở thành những chiến binh vĩ đại, những thầy shaman có uy tín hay là những tay thợ săn cao thủ - nói tóm lại là ‘những người đàn ông vĩ đại’ (và phụ nữ) gánh vác xã hội.

Một điểm khác nữa là trong lúc thành đình, thực tế là chỉ có các nhóm có dòng dõi từ tổ tiên người Yoyue cũng như là các nhóm người Ndelie, mà ban đầu phản bội chính bộ tộc mình, chịu trách nhiệm về các chức năng nghi lễ với lý do là chỉ có họ mới nắm giữ những vật thiêng và có tri thức cần thiết để sử dụng chúng. Các nhóm khác là đồng minh với người Baruya, vì thế không được tham gia, trong khi con cái của họ lại được những kẻ thắng trận làm lễ thành đình cho. Vì vậy, những nghi lễ này là dịp để tái khẳng định thứ bậc giữa những người chiến thắng và kẻ bại trận, một sự nhắc nhở về lịch sử đã qua.

Ánh sáng của các chứng cứ này và nhiều chứng cứ khác đều hướng về một điểm, nên lời kết luận đã rõ ràng. Chính những nghi lễ thành đình này đã tạo điều kiện cho các nhóm này tồn tại như một Tổng thể dưới con mắt của chính họ và của những người xóm giềng dù là bạn hữu hay kẻ thù. Trong khi sản sinh và tái sản sinh hệ thống các nhóm tuổi và thứ bậc giữa các giới và các nhóm, những nghi lễ này liên quan đến tất cả mọi thành viên trong xã hội và trao cho mỗi người dù là nam hay nữ một địa vị cho dù có khác biệt nhưng hữu ích đối với tất cả tùy theo tuổi tác, giới tính và khả năng của mỗi cá nhân. Vì thế, đây chính là những gì mà ở phương Tây có thể được gọi là các mối quan hệ tôn giáo và chính trị: *Mang tính chính trị* bởi vì những nghi lễ này đã áp đặt và hợp pháp hóa một cấu trúc quyền lực, một trật tự bên trong xã hội lưu giữ quyền cai trị cho nam giới; *Mang tính tôn giáo* vì những vị thần thánh tự nhiên và tổ tiên hiệu hữu trong các nghi lễ thành đình và hợp tác với chủ nhân của những vật thiêng trong việc làm lễ thành đình cho các thế hệ mới. Đó chính là điều mà

Cuối cùng, cái mà người Baruya khẳng định và tái khẳng định trong mỗi lễ thành đinh là cái quyền cùng nhau thực hiện một hình thức chủ quyền đối với một lãnh thổ, với những nguồn tài nguyên và cư dân sống trên đó, một lãnh thổ với những đường biên không phải lúc nào cũng được những người láng giềng công nhận. Nhưng cùng lúc, họ khẳng định và hợp pháp hóa quyền của nam giới trong việc thống trị nữ giới và những kẻ chưa thành đinh và là những người duy nhất có quyền điều hành và đại diện cho xã hội của họ. Mục đích và ý nghĩa của các nghi lễ thành đinh là nhằm thỏa mãn cái ước nguyện của người đàn ông trong việc sinh lại những đứa con trai của họ mà không cần nhờ đến tử cung của người phụ nữ. Chính ước nguyện này lý giải cho sự bí mật quan trọng của nam giới, một sự thụ tinh cùng giới giữa những kẻ thành đinh. Vì chỉ khi một người đàn ông nuôi dưỡng thai nhi trong tử cung của người phụ nữ bằng tinh trùng của mình thì những người thành đinh trẻ ở giai đoạn thứ ba và thứ tư nuôi dưỡng những người thành đinh ở giai đoạn thứ nhất và thứ hai bằng tinh trùng của họ vốn chưa bị làm ô uế do quan hệ với một người phụ nữ. Ví dụ gần đây cho thấy rằng không thể hiểu được bản chất của các mối quan hệ xã hội khi chưa hiểu các mối quan hệ này được nhận thức và trải nghiệm như thế nào. Những cách suy nghĩ, hành động và cảm giác này tạo nên cái mà chúng ta gọi là ‘văn hóa’, vốn không thể tách rời khỏi các mối quan hệ xã hội gán ý nghĩa cho nó.

Phân tích sâu hơn, tôi muốn nói rằng vì trật tự xã hội này có nền móng từ những thực tế tưởng tượng được kể lại chi tiết trong các huyền thoại và được diễn xuất trong các nghi lễ huy động toàn bộ xã hội người Baruya rằng các mối quan hệ và cảm giác phụ thuộc lẫn nhau của các thế hệ đã được tạo ra. Đó chính là niềm tin vào sự tồn tại và chân lý của các sự kiện tưởng tượng được kể đã xảy ra ban đầu – chẳng hạn như người đàn ông ăn trộm sáo của người phụ nữ hay là món quà các vật thiêng của Mặt trời cho tổ tiên người Baruya – đã làm cho những nghi lễ này có hiệu lực xã hội, có khả năng thuyết phục con người rằng tất cả mọi người đều phụ thuộc vào nhau trong một trật tự xã hội và vũ trụ.

Nhưng tại sao tôi lại nói các quan hệ thân tộc và các quan hệ kinh tế của người Baruya không gắn kết mỗi cá nhân với mọi người khác và vì thế tập hợp các nhóm người thành một xã hội? Người Baruya đã từng trao đổi phụ nữ giữa các dòng họ và nhóm; và những trao đổi này tôn trọng hai quy định: người con trai không được lập lại cuộc hôn nhân của cha mình và vì thế không thể kết hôn với một người phụ nữ ở trong nhóm của người cha; và hai anh em trai không được kết hôn với cùng một nhóm. Không ít áp lực trong việc hình thành nhiều đồng minh của mình, tôi quan sát thấy không có nhóm nào có liên hệ với tất cả các nhóm khác, kể cả nếu chúng ta lần theo bốn hoặc năm thế hệ trước. Thêm vào đó, tất cả các dòng họ đều dễ dàng có khả năng tự cung tự cấp trong khi tạo ra một số lượng thặng dư lớn để trao đổi với các bộ tộc khác nhằm mua những thứ mà họ không sản xuất. Không phải các mối quan hệ thân tộc hay các mối quan hệ kinh tế tạo nên các mối liên kết chung về sự phụ thuộc lẫn nhau trong tất cả các nhóm thân tộc.

n so sánh về sự hình thành của các xã hội khác, bắt đầu bằng Tikopia (Firth 1967a; 1967b). Khi Raymond Firth đến Tikopia lần đầu tiên vào năm 1928, tổ chức tôn giáo và chính trị cũ của hòn đảo này dường như vẫn còn nguyên vẹn. Xã hội được phân chia thành bốn nhóm nội hôn có thứ hạng dựa theo các nhiệm vụ mà họ thực hiện trong chu kỳ của các nghi lễ đảm bảo độ màu mỡ của đất, biển và con người. Nhóm Kafika và thủ lĩnh của mình chiếm vị trí cao nhất. Nhưng không phải chỉ có các vị thủ lĩnh thực hành các nghi lễ; Thần cũng ở bên cạnh họ. Trong một ghi chép, Firth đề cập rằng Tikopia không tồn tại trước đó vài thế kỷ. Các nhóm người từ các hòn đảo khác – Puka Puka, Anuta, Rotuma và tương tự – đã định cư ở hòn đảo này vào những thời điểm khác nhau. Các nhóm này đánh nhau cho đến tận khi một ông tổ của nhóm Kafika cố gắng thuyết phục họ rằng mỗi nhóm đóng một vai trò trong chu kỳ các nghi lễ liên quan đến công việc của các vị thủ lĩnh với các vị thần. Một lần nữa chúng ta thấy rằng đó là các nghi lễ tôn giáo và chính trị gắn kết một tập hợp các nhóm người từ những nơi khác nhau vào thành một tổng thể để tạo nên một xã hội.

Ví dụ về xã hội người Tikopia cho phép chúng ta vượt qua những giới hạn của trường hợp người Baruya. Một loại hình đẳng cấp xã hội khác và một vai trò khác của các mối quan hệ kinh tế thành hình ở Tikopia. Các vị thủ lĩnh phụ trách về các nghi lễ được coi là thẩm được bản chất thần thánh và ông tổ của nhóm người Kafika được coi là *Atua*, vị thần của hòn đảo. Những thủ lĩnh không tham gia các công việc tái sản xuất vật và nhất (nhưng không phải đối với trường hợp của các ông chủ tế nghi lễ thành đình của người Baruya). Đồng thời, đó chính là những vị thủ lĩnh là người phân chia các mảnh vườn và thửa ruộng và là người áp đặt và loại bỏ những điều cấm kỵ tập thể đánh dấu các mùa vụ đánh cá và canh tác. Và nếu chúng ta đến thăm Tonga, Tahiti, hay thậm chí là Hawaii trước khi người châu Âu đến đây, chúng ta có thể đã thấy rằng các thủ lĩnh và những dòng họ ở đây thậm chí còn tạo ra nhiều quyền lực đối với con người và nền kinh tế hơn cả những vị thủ lĩnh ở Tikopia. Ở Tonga, *eiki*, những người quý tộc, có một quyền lực tối thượng đối với người dân và sức lao động của dân thường cũng như đất đai. Vị thủ lĩnh tối cao của Tonga, *Tu'i Tonga*, được nhìn nhận và tôn kính như là hậu duệ của Tangaloa, vị thần chính của người Polynesian (Douaire-Marsaudon 1998). Ở Tonga, những người quý tộc không còn dính dáng đến bất kỳ một công việc sản xuất nào. Vai trò của họ là chỉ thực hiện các nghi lễ bên cạnh *Tu'i Tonga*, hay là thực hành chiến tranh. Một lần nữa, đó chính là sự xác lập các mối quan hệ tôn giáo và chính trị lý giải cho nền tảng của các xã hội này; nhưng thực tế là chính những người thực hành các chức năng này hoàn toàn không gắn kết với các hoạt động sản xuất cũng có nghĩa là các mối quan hệ kinh tế giữa những người quý tộc và dân thường trở nên rất quan trọng đối với sản xuất và tái sản xuất cho loại hình xã hội này.

Hãy để chúng ta liêu dần thân gần hơn và rộng hơn vào thời đại của chúng ta. Saudi Arabia không tồn tại cho đến tận khi nó bắt đầu hình thành vào năm 1742 trên cơ sở cuộc gặp gỡ giữa hai người đại diện cho hai thế lực xã hội: Mohammed Bin Abd al-Wahhab và Mohammed Ibn Saud. Người thứ nhất là nhà cải cách tôn giáo vốn bị đuổi khỏi liên minh bộ lạc của mình vì vi phạm cuộc chiến tranh Hồi giáo (giữa những người Hồi giáo với những người không theo Hồi giáo-ND) chống lại điều mà ông coi là những người Muslim

ai là

hi

ng
Tây

iáo

g, 'bản sắc', tôi muốn xem xét một số hệ quả lý thuyết từ các phân tích nói trên. Trước hết, tôi phải kết luận rằng người Baruya không phải là một xã hội dựa trên thân tộc. Xã hội của họ chưa bao giờ 'dựa' trên các mối quan hệ thân tộc. Trong thực tế, tôi nghĩ rằng chưa bao giờ có một xã hội nào dựa trên quan hệ thân tộc. Chẳng ở đâu trên thế giới này có thân tộc hay gia đình đóng vai trò nền tảng và là cơ sở của một xã hội, thậm chí trên toàn thế giới, các mối quan hệ thân tộc và tất cả các hình thức gia đình luôn là các thành tố cơ bản của đời sống xã hội.

Những phân tích của chúng ta cũng cho phép chúng ta làm rõ sự khác biệt giữa một 'cộng đồng' và một 'xã hội'. Thật cần thiết tránh nhầm lẫn giữa hai khái niệm hay các thực tiễn lịch sử và xã hội khác biệt đằng sau chúng. Một ví dụ sẽ đủ để làm rõ về sự khác biệt này. Người Do Thái tha hương sống ở London, New York, Paris, hay Amsterdam hình thành các cộng đồng bên trong các xã hội và các quốc gia của Great Britain, the United States, France và Holland. Họ sinh sống cùng với các cộng đồng người Thổ Nhĩ Kỳ, các cộng đồng người Pakistan và tương tự, mỗi cộng đồng có các truyền thống và lối sống riêng. Ngược lại, người Do Thái tha hương đã rời khỏi các quốc gia này về sống ở Israel giờ đây trong một xã hội mà họ đã tạo nên ở Trung Đông và xã hội đó được đại diện bởi và được quản trị bởi một nhà nước mong muốn các dân tộc và các quốc gia láng giềng công nhận một cách dứt khoát các đường biên giới của họ. Đây cũng là điều mà người Palestin muốn: một lãnh thổ và một nhà nước. Một lần nữa, tiêu chí của một xã hội là chủ quyền đối với một lãnh thổ. Có một điểm quan trọng cần nhấn mạnh là tất cả các cộng đồng này dẫn đến một sự tồn tại xã hội bên trong một xã hội chủ (*the host society*) phù hợp với họ. Để đưa ra một ví dụ khác: tất cả các thành phố lớn trên thế giới đều có một Chinatown (Phố Tàu), ở đó người Trung Hoa

với nhiều đồng nghiệp của chúng ta: Tôi gọi 'bộ tộc' là hình thức xã hội của người Baruya, cũng như tôi gọi các nhóm thân tộc của họ là 'các nhóm phụ hệ và các dòng họ'. Tôi gọi 'các nhóm tộc người' là một số các nhóm địa phương trong khu vực này, những nhóm cho rằng họ có cùng một nguồn gốc và thuộc về các nhóm khác nhau vốn từng sống ở lân cận Menyamya. Người Baruya gọi các nhóm này mà họ biết họ thuộc về 'những người ăn mặc sặc sỡ như chúng tôi'. Nhưng thực tế là ý thức về sự thuộc về các nhóm giống nhau này không có nghĩa cho phép người Baruya tiếp cận được với đất đai hay phụ nữ của các nhóm này và không ngăn cấm họ gây chiến với các bộ tộc láng giềng thuộc về các nhóm giống nhau này. Chúng ta thấy ở điểm này là chỉ có 'bộ tộc' là một 'xã hội' đối với người Baruya, trong khi nhóm tộc người tạo thành một 'cộng đồng' văn hóa và ký ức, nhưng không phải là một 'xã hội'. Điều này làm sáng tỏ một thực tế là để trở thành một xã hội, một nhóm tộc người ngày nay phải cố gắng tạo thành một nhà nước đảm bảo chủ quyền đối với một lãnh thổ. Đây là một trong các yêu cầu của các nhóm người Kurdish sinh sống rải rác trong một số nhà nước. Đó cũng là một yêu cầu đối với người Bosnia và người Kosova. Thêm vào đó, trong một số trường hợp, một nhóm tộc người tìm cách thôn tính một nhà nước và một lãnh thổ cho riêng mình quyết định tiến hành các cuộc thanh trừng sắc tộc.

Trong các xã hội phương Tây, ở các nền dân chủ cơ bản, chúng ta quan sát thấy hai sự ứng phó khác nhau đối với sự hiện diện của nhiều cộng đồng tôn giáo, tộc người và các cộng đồng khác trong xã hội: dù là sự phản ứng của người Anh đối với chủ nghĩa cộng sản, hay là phản ứng của người Pháp đối với sự hội nhập. Tuy nhiên, tất cả đều dường như thực sự đã cố gắng giải quyết vấn đề nảy sinh từ sự đa dạng văn hóa và tôn giáo trong các xã hội hiện đại.

Một kết luận lý thuyết khác có thể được rút ra từ các phân tích này. Trong trường hợp người Baruya, các hoạt động kinh tế và các mối quan hệ xã hội bổ sung cho họ dường như không có khả năng tạo nên xã hội. Nhưng trong các trường hợp của người Tikopia, Tonga và Saudi Arabia, chúng ta thấy rằng những gì được gọi là 'các hoạt động và quan hệ kinh tế' dường như đóng một vai trò hoàn toàn khác trong tiến trình lịch sử của con người, nhất là khi các nhóm xã hội xuất hiện khẳng định và kiểm soát các hoạt động tôn giáo và chính trị. Sự hình thành các xã hội cụ thể vì thế không thể được lý giải bằng các phương thức sản xuất của họ, mà thay vào đó bằng toàn bộ sinh kế, đó là một sự phát triển kéo dài nhiều thế kỷ của tất cả các hình thức cụ thể về quyền lực, được trộn lẫn, kết hợp hay xen kẽ với chính trị và tôn giáo, thừa kế những biến đổi trong phương thức sản xuất. Dĩ nhiên, từ giây phút những chủ thể này nắm quyền phụ thuộc vào những kẻ không nắm quyền đối với sự tồn tại vật chất của họ, các mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trở nên phụ thuộc lẫn nhau, một điều trái ngược với giả thuyết của Marx.

Điểm cuối cùng trước khi tôi đi vào vấn đề bản sắc là các quan hệ xã hội tồn tại không chỉ

n quan đến các mối quan hệ này. Bộ phận của các quan hệ xã hội tồn tại bên trong các cá thể là cái mà chúng ta gọi là cấu trúc 'tinh thần và chủ quan' của họ, được tạo thành không phải chỉ bởi những sự đại diện mà còn cả bởi các nguyên tắc hành động và sự cấm kỵ. Ví dụ về các nghi lễ thành đinh của người Baruya cho thấy rằng ở tâm điểm của bộ phận tinh thần của các mối quan hệ xã hội của họ là cốt lõi của thực tiễn đối với (chúng ta) hoàn toàn chỉ là tưởng tượng. Và chúng ta có thể nói điều tương tự về các huyền thoại của Kinh Cựu ước (New Testament), mô tả bức thông điệp ngăn ngừa đối với thế giới về một vị Chúa được tin là đã chết ở trên một cây Thánh giá vì chúng ta. Chính vì thế, chúng ta đo lường một vai trò to lớn của trí tưởng tượng trong việc cấu tạo nên các thực tiễn xã hội và tính chủ quan đã trải nghiệm và tái tạo ra chúng. Nhưng tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng cũng có các nhân tố văn hóa rộng lớn hơn các mối quan hệ xã hội trong đó các tác nhân liên quan và có tác động đến lịch sử xã hội của họ, chẳng hạn đối với Cơ đốc giáo và Islam, hai tôn giáo độc thần ra đời nhiều thế kỷ trước và trở thành một thành tố không chỉ của văn hóa và sự phát triển của hàng trăm xã hội địa phương, mà còn của tính chủ quan của hàng trăm triệu con người, những cá nhân chỉ có chung mối quan hệ tôn giáo.

Với sự ám chỉ này đối với Cơ đốc giáo, tôi sẽ tập trung vào phần cuối cùng của bài này, phân tích về những biến đổi đã diễn ra trong bản sắc của những cư dân thuộc về các xã hội phụ thuộc vào nhiều áp lực dưới các hình thức khác nhau từ phương Tây – quân sự, kinh tế, chính trị và văn hóa – giống như những gì mà người Baruya đã trải nghiệm từ năm 1960, Australia quyết định mở rộng quyền lực thuộc địa của mình sang cả phần của Papua New Guinea.

Khi nói về 'bản sắc' tôi hàm ý về sự kết tinh bên trong mỗi cá thể của các mối quan hệ văn hóa và xã hội trong đó anh hay chị ta liên quan và nhờ vào đó mà anh hay chị ta tiến đến tái sản xuất hay bị chối từ. Ví dụ, một người là cha hay là con trai của một ai đó và mối quan hệ này với người khác xác định mối quan hệ tồn tại giữa hai người và cùng lúc trong mỗi người, nhưng có một hình thức khác nhau cho mỗi quan hệ này: cha không thể là con của mình. Đây là cách xác định về Cái tôi xã hội (Social Ego) mà mỗi chúng ta thể hiện với người khác. Nhưng còn có một mặt khác của Cái tôi, Cái tôi bản năng hay trong thâm tâm, được tạo thành bởi những sự gặp gỡ tiêu cực hay tích cực của Cái tôi xã hội với người khác. Đó chính là vì sao bản sắc xã hội của mỗi cá thể vừa là một, vừa là vô số, có hình thức tùy thuộc vào các mối quan hệ của anh hay chị ta với người khác.

Cách xác định này cũng đúng với trường hợp người Baruya. Tôi sẽ mô tả cho các bạn thấy một số giai đoạn trong lịch sử gần đây của họ và cho các bạn thấy những bình luận dành cho tôi liên quan đến những biến đổi diễn ra trong xã hội của họ. Như chúng ta sẽ thấy, lịch sử của họ được gắn với việc đưa người Baruya tham gia vào cuộc xung đột trong chính họ và với những kẻ khác và tạo nên cái mà chúng ta gọi là 'các bản sắc xung đột'.

Người Baruya, cho đến tận năm 1951, chưa bao giờ thấy một người Âu châu nào, kể cả từ khi có chiến tranh ở diễn ra ở khu vực Thái Bình Dương, đã ý thức được về sự tồn tại một cách tách biệt của mình, để trở thành cư dân Australia chỉ chín năm sau đó. Vào năm 1960,

một cuộc thám hiểm quân sự do chính phủ Australia thực hiện nhằm mục đích phân chia khu vực Baruya: người Baruya sau đó dính vào cuộc chiến tranh với những người láng giềng và kẻ thù của họ, người Youwarrounatche. Ngay lập tức và cùng lúc, những người Baruya tự quản triển khai hình thức đặc biệt về chủ quyền của mình đối lãnh thổ của họ và chính họ bị thuộc địa hóa và biến thành thần dân của Nữ hoàng Anh. Đối với một xã hội bị thuộc địa hóa có nghĩa hoàn toàn đơn giản là chủ quyền của nó bị tước đoạt bởi kẻ khác, mà trong trường hợp này là chính quyền thuộc địa. Tương lai của xã hội này sẽ vì thế phụ thuộc nhiều vào các quyết định của một cường quốc bên ngoài. Vào năm 1975, một lần nữa không được hỏi và thực sự hiểu, người Baruya không còn là thần dân và trở thành công dân của nhà nước Papua New Guinea, do Australia trả lại độc lập. Nhưng điều này không có nghĩa là người Baruya khôi phục được chủ quyền trước đây cho chính họ, hay quyền vốn có của họ phân phối công bằng hoặc tấn công những người láng giềng và chiếm đoạt đất đai của họ. Giờ đây các công dân của một dân tộc đa văn hóa được tạo nên để củng cố sự tồn tại của một nhà nước mới được hình thành một cách nhân tạo và mới độc lập, thì người Baruya tự thấy mình được phú cho những quyền và nghĩa vụ mới. Xã hội người Baruya không biến mất, nhưng nó đã không còn là một xã hội có chủ quyền và thay vào đó trở thành một nhóm lãnh thổ địa phương, được đưa vào danh mục các bộ tộc chính thức của Chính quyền.

Năm 1960, Australia xây dựng một điểm tuần tra và đường băng ở Wonenara, trên địa điểm mà các chiến binh Baruya đã quen thuộc với các cuộc chiến đấu với những người láng giềng của mình. Ngay sau đó, một đoàn truyền giáo từ Summer Institute of Linguistics đến để tìm hiểu về ngôn ngữ Baruya nhằm dịch Kinh thánh và chuyển đổi họ thành tín đồ Tin lành. Cũng vào năm đó, một quan chức người Anh đốt cháy một trong các ngôi làng của người Baruya để trừng phạt cho mối thù và đám cháy làm biến mất những viên đá lửa thiêng vốn thấp sáng ngọn lửa ban đầu trong các nghi lễ thành đinh cũng như làm khô các ngón tay của anh hùng Bakitchatche, người đã lãnh đạo bộ tộc Baruya trong cuộc chiến đấu chống lại người Andje. Năm 1961, một đoàn theo giáo phái Lutheran xây dựng một trường học cho một số học sinh nam và nữ của người Baruya và các bộ tộc thù địch của họ. Nhưng đến năm 1965, khu vực này bị 'hạn chế', nghĩa là người châu Âu bị cấm vượt qua vòng ngoài của trạm tuần tra.

Năm 1966 tôi đến Wonenara. Vào thời điểm đó, chỉ có một người Baruya chuyển đổi tôn giáo sang Tin lành, đó là một nam thanh niên trẻ đóng vai trò như một người cung cấp thông tin cho nhà nhân học truyền giáo đến đây để dịch Kinh thánh. Nhưng những học sinh đầu tiên của trường học theo giáo phái Lutheran đã chuẩn bị rời lên thành phố để tiếp tục học tập ở các trường trung học tôn giáo. Tôi hỏi một trong số những nam thanh niên trẻ tuổi chuẩn bị rời nơi này về những suy nghĩ của anh ta đối với các phong tục của người Baruya. Anh ta nói với tôi: 'Tôi nhỡ vào *pul-pul* của các cụ già, vào các phong tục của họ, đó chỉ là những thứ vớ vẩn'.

Năm 1968, người Baruya tổ chức các nghi lễ thành đinh với một quy mô lớn, vào lúc đó một cựu chiến binh, Bwarimac, nói chuyện với tôi trong đám đông, lắc lắc một cái dùi đá. Ông nói với tôi: 'Moriselo, anh thấy ngoài kia những gì tạo nên sức mạnh của chúng tôi

không. Nhưng giờ đây người da trắng mua các dùi đá của chúng tôi làm đồ kỷ niệm. Đối với họ, chúng tôi cho thấy cảnh và lá. Với anh, bây giờ chúng tôi cho biết về thân và rễ cây'. Điều này cho thấy ông ta ý thức như thế nào về bản sắc và văn hóa của mình.

Năm 1979, sau khi độc lập, người Baruya lại bắt đầu làm lễ thành đinh cho con cái họ, nhưng cũng ngày càng đưa nhiều trẻ em trai và gái đi học xa nhà. Năm 1983, những kẻ thù của người Baruya là người Youwarrounatche quyết định lấy lại đường băng và giết một số người Baruya, một trong số đó là Gwataye, một người bạn của tôi: họ bắn đầy tên vào anh ta trong khi một tên đập một hòn đá to vào mặt anh và nói: 'Hòn của mày trở về Bravegareubaramanduc', nói cách khác là về nơi mà tổ tiên của người Baruya sinh sống khi họ vẫn còn là người Yoyue và chưa bị những người anh em của họ tàn sát. Cảnh sát đến hiện trường bằng trực thăng, nhưng không dám hạ cánh và chỉ đơn giản ném lựu đạn đốt cháy một làng Baruya.

Vào năm 1985 người Baruya lại làm lễ thành đinh cho con cái họ và năm 1988 họ làm lễ thành đinh cho một số thầy shaman trong các nghi lễ được hiện 15 năm một lần. Tôi đã ở đó. Sau đó tất cả dừng lại cho đến tận năm 2006 sau một khoảng thời gian 21 năm, những người Baruya giờ đây là các tín đồ Tin lành lại bắt đầu một lần nữa làm lễ thành đinh cho những người trẻ tuổi (nhưng lần này thì không sờ lỗ mũi nữa), trước sự ngạc nhiên của tất cả những người láng giềng của họ, những người đã từ bỏ các nghi lễ thành đinh. Cũng năm đó họ lại tổ chức làm lễ thành đinh cho các thầy shaman mới. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, người Baruya đã không còn làm muốn để bán nữa và đã sử dụng đất để trồng cà phê để xuất khẩu chứ không phải uống. Bị mất đi đường băng vào tay những kẻ thù mà giờ đây không còn trang bị cung và tên mà được trang bị Kalashnikovs, họ đã xây dựng một đường băng mới bên trong lãnh địa của họ nhằm xuất khẩu cà phê và để có thể rời khỏi thung lũng của họ. Đây chỉ là một tóm lược rất ngắn gọn về gần một nửa thế kỷ lịch sử cung cấp cho bạn một sự hình dung về những biến đổi đã diễn ra theo cách nghĩ và hành động của người Baruya – tóm lại là theo bản sắc của họ.

Người nam thanh niên trẻ tuổi đã từng nói với tôi rằng anh ta nhờ vào *pul-pul* của tổ tiên trở lại quê hương vào dịp các nghi lễ thành đinh năm 1985 ăn mặc quần áo kiểu Âu châu và làm việc cho bộ phận lâm nghiệp. Phá bỏ tất cả các quy định, anh ta bước đến trước mặt các vị chủ tế của nghi lễ thành đinh và lên lớp cho những người cao tuổi và thành đinh rằng: 'Cái các ông làm rất tốt; thực hiện các nghi lễ. Những gì các ông làm chính là cái mà người da trắng gọi là "caltcha"[văn hóa], nghĩa là về những gì tạo nên sức mạnh của chúng ta, đó là những gì chúng ta phải dựa vào khi chúng ta đến thành phố một mình, không việc làm, không bạn bè và đói khát'.

Năm 1988, tôi tham dự lễ lễ nhậm chức cho các thầy tân shaman, một nghi thức kéo dài gần một tháng và huy động sự tham gia một số lượng lớn dân cư. Nhưng lần đầu tiên một số người từ chối tham gia. Sau đó, một nhóm nam và nữ giới đến gặp và đề nghị tôi ghi tên họ vào một cuốn sổ tay, mỗi lần thêm một tên thánh ở trước – David, Sarah, John, Mary và vân vân. Tôi viết những tên này và sau đó tôi hỏi tại sao, thì họ cho tôi biết là tất cả họ đang đợi

nhau. Dĩ nhiên, tất cả các quyết định này là của riêng mỗi cá nhân hay là sự lựa chọn tập thể song đã được hình thành để bảo tồn những gì thuộc về quá khứ của họ mà đến nay họ vẫn còn dựa vào hay là để gắn kết với cái gì đó mới mẻ hữu ích cho họ trong tương lai. Chắc chắn, người Baruya là các tín đồ Tin lành và là các công dân, nhưng đồng thời, họ vẫn còn trong tình trạng chiến tranh với các kẻ thù truyền kiếp của họ; và điều này cũng có lẽ là những gì được tái khẳng định khi vào năm 2006 họ xây dựng một *tsimia* và tiến hành các nghi lễ, cho dù giờ đây được xác định lại một cách chắc chắn và đơn giản hóa.

Điểm này kết thúc phần lý giải của tôi, một phần lý giải trộn lẫn cuộc đời của các cá thể với cuộc sống của xã hội của họ, song tôi muốn kết luận bằng việc một lần nữa nhấn mạnh rằng trong thế giới mà chúng ta đang sống nhân học là một ngành học cần thiết hơn bao giờ hết. Không phải sinh học phân tử hay công nghệ nanô dạy cho chúng ta hiểu về ý nghĩa của Shia hay Sunni hoặc Pashtoun, hay là lý giải về lịch sử của cuộc xâm lược thuộc địa của phương Tây. Là nhà nhân học, chúng ta cần phải đi sâu, phải ý thức về vị trí của chúng ta, tiến hành các nghiên cứu một cách có hệ thống trong một thời gian dài với sự cộng tác và những tri thức của những người mà chúng ta sống và cùng làm việc với họ; và các phương pháp, những phân tích và kết luận của chúng ta luôn bị lệ thuộc vào những nhận xét liên tục đầy tính phê phán. Tất cả những điều đó làm cho nhân học trở thành một ngành học không thể thiếu trong việc hiểu rõ hơn về thế giới đang toàn cầu hóa mà chúng ta đang sống và sẽ tiếp tục sinh sống.

Nhưng thế giới ngày nay bị xô đẩy theo hai hướng. Không có một xã hội nào, dù lớn hay nhỏ, có thể hy vọng về sự phát triển kinh tế mà không hàng ngày trở nên gắn kết vào hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Nhưng thật kỳ cục, khi nền kinh tế của họ hội nhập vào hệ thống tư bản, chúng ta thấy các xã hội này đòi hỏi chủ quyền lớn hơn đối với sự phát triển văn hóa và chính trị của họ bằng việc hoặc là tái tạo các truyền thống hay chối bỏ các Quyền con người của phương Tây. Hai xu hướng vận động dài hạn này của sự hội nhập kinh tế và tái khẳng định các bản sắc địa phương và quốc gia là bối cảnh mới mà trong đó chúng ta sẽ hành nghề. Và đó là bối cảnh mà chúng ta có thể và phải hiểu nó.

Chính vì thế nhân học có một sự nghiệp rất khả quan ở phía trước, kể cả khi nếu nó mang đi một số trong các 'sự thật' được chúc tụng của ngành học. Về phần mình, tôi có kế hoạch tiếp tục phân tích các hình thức khác nhau của các chủ quyền mà các nhóm người đã sáng tạo và áp đặt – lên chính họ và đối với kẻ khác – trong chiều dài lịch sử.

Ghi chú

Bản gốc của bài này được Nora Scott dịch sang tiếng Anh. Tôi muốn trước hết cảm ơn các đồng nghiệp của tôi ở Royal Anthropological Institute vì đã mời tôi đến thăm và làm việc với tư cách là một Fellow và đề nghị tôi trình bày Bài giảng tưởng nhớ Huxley (Huxley Memorial Lecture) năm nay. Như các bạn có thể tưởng tượng, đây không chỉ là một đặc ân lớn mà còn là một sức ép nặng nề để có cơ hội chia sẻ một vài trong số những sự thuyết phục của tôi về tầm quan trọng hơn bao giờ hết của nhân học đối với thế giới mà chúng ta đang sống và tiếp tục sinh sống.

Tài liệu tham khảo

- AL-RASHEED, M. 2002. *A history of Saudi Arabia*. Cambridge: University Press.
- DOUAIRE-MARSAUDON, F. 1998. *Les premiers fruits: parenté, identité sexuelle et pouvoirs en Polynésie Occidentale. Tonga, Wallis et Futuna*. Paris: Éditions de la Maison des sciences de l'Homme, Centre national de la Recherche Scientifique.
- FIRTH, R. 1967a. *Tikopia ritual and belief*. Boston: Beacon.
- FIRTH, R. 1967b. *The work of the gods in Tikopia*. London: Athlone.
- GODELIER, M. 1986. *The making of great men*. Cambridge: University Press.
- VASSILIEV, A. 2002. *The history of Saudi Arabia*. London: Saqi Books.